

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH THỦY  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Phạm Thị Hồng**

*Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đoàn Hồng Canh**

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Ông Phạm Mạnh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1990; ĐKHKT: Khu 9, xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1984; ĐKHKT: Khu 9, xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn N ngày 13/10/2020, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, việc kết hôn là tự nguyện. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong suy nghĩ và lối sống. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn N.

- Về con chung: Chị H xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị H xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 01/3/2021 của bị đơn - Anh Trần Văn N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị H kết hôn ngày 13/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn được. Anh và chị H đã sống ly thân kể từ tháng 12/2020 và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị H đề nghị ly hôn, anh cũng đồng ý do xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa.

- Về con chung: anh N xác định vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh N xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Trong biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh Trần Văn N trình bày:**

Anh N và chị H kết hôn với nhau vào năm 2020, sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh N, chị H chung sống với nhau thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và sống ly thân với nhau. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh N và gia đình chúng tôi điều biết do đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh N chung sống cùng gia đình chúng tôi. Anh N đã cùng bàn bạc với gia đình, quan điểm của anh N là nhất trí ly hôn với chị Trần Thị H, do tình cảm của anh N và chị H không còn, không thể hoà hợp. Anh N và gia đình chúng tôi đã nhận được các giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, tuy nhiên anh N bận công việc nên không xuống Tòa án tham gia phiên họp, phiên tòa được. Anh N đã có lời khai với Tòa án và giữ nguyên quan điểm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân và Hội liên hiệp phụ nữ xã H thể hiện:** Chị Trần Thị H và anh Trần Văn N đăng ký kết hôn ngày 13/10/2020 tại UBND xã H, huyện Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện và đúng pháp luật. Vợ chồng chị H, anh N không có con chung. Chị H và anh N đều đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại: khu 9 xã H – huyện Thanh Thủy - tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung sống giữa chị H và anh N sau khi đăng ký kết hôn: ban đầu thì hoà hợp nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện chị H và anh N đang sống ly thân và không còn thực tế chung sống.

Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh N; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho

vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục Tố tụng:**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh N và nhiều lần triệu tập, anh N đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh N chỉ đến một lần viết bản tự khai sau đó nhiều lần vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải được. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

#### **2. Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H kết hôn với anh Trần Văn N vào ngày 13/10/2020, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H, anh N đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn thực tế chung sống. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn anh N. Mặc dù anh N không có mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh N là phù hợp.

[2] Về con chung: chị H, anh N xác định không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Văn N

2. Về con chung: chị H và anh N xác định không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000720 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hoàng Xá;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phạm Thị Hồng**

